

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2021

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Toan

2. Ông Lương Văn Kế

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào Đức Độ, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần A, sinh năm 1992 “có đơn xin xét xử vắng mặt”

Bị đơn: Anh Vũ B, sinh năm 1984 “vắng mặt không có lý do”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Vũ T, sinh ngày 17/11/2010 “vắng mặt”

- Cháu Vũ Anh P, sinh ngày 12/8/2013 “vắng mặt”

Người đại diện hợp pháp cho cháu T, cháu P: Anh Vũ B và chị Trần A (là bố mẹ đẻ cháu).

Đều có HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T, cháu P: Ông Phạm Đức Lãng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. “có mặt”

Người làm chứng:

Bà Trần Thị N, sinh năm 1960 “vắng mặt”

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần A trình bày:

Tôi và anh Vũ B có khoảng thời gian tự do tìm hiểu khoảng hai năm thì tiến tới hôn nhân. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chúng tôi về chung sống cùng với gia đình tại Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Cuộc sống hôn nhân của chúng tôi hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh B thay đổi tính nết, thay đổi cách cư xử đối với tôi. Tôi làm gì, nói gì cũng không vừa lòng chồng. Mỗi lần anh B uống rượu say lại chửi bới, đánh đập tôi, tôi nghi ngờ anh B có người phụ nữ khác, nhưng mỗi lần nói đến chuyện đó anh B đều không thừa nhận và lấy đó làm lý do đánh tôi. Chúng tôi không tập trung kinh tế, anh B đi làm không mang tiền về cho tôi, một mình tôi phải lo cuộc sống, con cái và sinh hoạt gia đình. Suốt 10 năm qua tôi chấp nhận duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh B là vì con và rất nhiều lần tôi cho anh B cơ hội sửa chữa, thay đổi bản thân nhưng không được. Đến nay, tôi thấy quá mệt mỏi, không chịu đựng thêm được nữa, tôi xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B để yên tâm làm ăn, chăm sóc các con.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Vũ T, sinh ngày 17/11/2010; cháu Vũ Anh P, sinh ngày 12/8/2013. Trước đến nay tôi vẫn là người trực tiếp chăm sóc các cháu, sinh hoạt, học tập, ăn uống của các con đều do tôi lo toan, trang trải cuộc sống, anh B không đưa tiền cho tôi để nuôi con. Khi tôi bỏ đi thì anh B không cho tôi mang theo con, tôi để các con ở nhà cùng anh B và bà nội, hàng tháng tôi vẫn gửi tiền về nhờ bà nội chăm sóc các cháu. Ly hôn, tôi xin được nuôi cháu Vũ Anh P và nhường quyền nuôi cháu Vũ T cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành. Thu nhập của tôi làm công nhân trung bình khoảng 7 đến 8 triệu/tháng đủ để chăm sóc cho con được tốt nên tôi không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Tôi tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2021 bị đơn Anh Vũ B trình bày thống nhất với chị A về thời điểm đăng ký kết hôn nhưng không thống nhất về thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh Vũ B trình bày: Vợ chồng tôi có mâu thuẫn bắt đầu từ cuối năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị A nghi kỵ tôi có người phụ nữ khác, từ đó giữa hai vợ chồng thường xuyên phát sinh những cuộc cãi vã, không có lý do, tôi là người nóng tính nhưng không để bụng, còn chị A thì ngang bướng, không biết chịu nhịn vì vậy các cuộc cãi vã không có điểm dừng, không ai chịu ai, dẫn đến mâu thuẫn cứ lớn dần lên, vợ chồng không còn tiếng nói chung nữa. Gần đây nhất, vào tháng 12 năm 2020 do tôi uống rượu say, chị A nghi kỵ nói nhiều đến chuyện tôi đi ngoại tình nên tôi đã nóng giận với chị A, vợ chồng đã xảy ra xô xát. Chị A cầm dao dọa chém tôi, nếu không có người can thì ngày hôm đó có thể xảy ra án mạng. Tôi có nóng giận đuổi chị A ra khỏi nhà từ hôm đó đến nay tôi không biết chị A ở đâu. Tôi có gọi điện tìm kiếm vợ về đoàn tụ gia đình nhưng chị A không về và từ chối tất cả các cuộc gọi, tin nhắn của tôi. Tôi xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng tôi không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chúng tôi có 02 con chung như chị A trình bày, ly hôn tôi xin được nuôi cả 02 con, thu nhập của tôi khoảng 18 triệu/tháng đủ để chăm sóc các con được tốt. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Vũ T trình bày nguyện vọng xin được ở cùng với bố là anh Vũ B, cháu Vũ Anh P có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ là chị Trần A.

Người làm chứng bà Trần Thị N là mẹ đẻ anh B, chị Vũ Thị X là em gái anh B đều xác định: Anh B và chị A kết hôn với nhau là tự nguyện, khi kết hôn cũng đã được gia đình nói cho biết tính cách của nhau. Đối với anh B thì nóng tính và rượu chè, thỉnh thoảng lại say xỉn, chị A thì nghi kỵ chồng có người phụ nữ khác. Mỗi lần anh B uống say không làm chủ được bản thân, vợ chồng đều xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, thậm chí là xảy ra xô xát, sự việc đã diễn ra trong nhiều năm, chị A hiểu rõ điều đó nhưng vợ chồng không lựa được nhau. Chị A bỏ cả con nhỏ để đi, bản thân anh B và gia đình níu kéo, gọi chị A về đoàn tụ nhưng chị A vẫn không về, bà N thừa nhận chị A vẫn gửi tiền về cho bà chăm sóc con giúp chị. Gia đình

không mong muốn anh B và chị A ly hôn nhưng cả hai không thể gạt bỏ mâu thuẫn, cãi vã để đoàn tụ.

Xác minh tại UBND xã Đ huyện T, tỉnh Hưng Yên được biết: Anh B và chị A có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 05/8/2010; về tình trạng hôn nhân của anh B, chị A, UBND xã được biết là quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã, có khi còn xảy ra xô sát, va chạm, hiện chị A đã bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng đã sống ly thân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Tại phiên tòa ngày 23/7/2021, vắng mặt anh Vũ B không có lý do nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vũ B được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa, công bố bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã Đ, huyện T và các tài liệu khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Tại phiên tòa xét xử lần hai nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh B. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, căn cứ vào nguyện vọng của cả hai bên đương sự, căn cứ vào thực tế chăm sóc nuôi dưỡng của gia đình đối với các cháu từ trước đến nay nên cần giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ T; giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Anh P. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung thêm đôi

với cháu P; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Vũ T và cháu Vũ Anh P có quan điểm: Đề nghị HĐXX cân nhắc giao cho anh B và chị A mỗi người nuôi 01 cháu để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, đảm bảo điều kiện chăm sóc cũng như sinh sống, học tập của các cháu một cách tốt nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần A khởi kiện xin ly hôn anh Vũ B có nơi cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Toà án xét xử vắng mặt chị A theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 23/7/2021 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 09/8/2021. Anh B đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần A và anh Vũ B được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2010 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị nhiều lần đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã và kéo dài trong nhiều năm, mâu thuẫn đó ngày càng trầm trọng hơn mà không khắc phục, giải quyết được mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình hòa giải, khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Hiện nay anh chị đã không còn chung sống cùng với nhau nữa. Anh B muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng không có giải pháp hàn gắn hôn nhân của anh chị. Cả hai được Tòa án triệu tập hòa giải nhưng anh B từ chối không đến Tòa án làm việc. Gia đình anh chị cũng nhận thấy anh B và chị A không thể gạt bỏ được mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ. Từ những phân tích ở trên, HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B đã trở nên trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn anh B.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, tên Vũ T, sinh ngày 17/11/2010; cháu Vũ Anh P, sinh ngày 12/8/2013. Anh B có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con, không đồng ý cho chị A nuôi dưỡng các cháu. Chị A xin được nuôi cháu P và nhường quyền nuôi cháu T cho anh B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. HĐXX xét thấy vợ chồng anh B, chị A có hai con chung, trước đến nay chị A vẫn là người trực tiếp chăm sóc các con, đảm bảo cho các con về điều kiện sinh hoạt, học tập. Nguyện vọng của chị A mỗi người nuôi 01 con là chính đáng phù hợp với tâm tư tình cảm của các cháu, phù hợp điều kiện, hoàn cảnh thực tế nuôi dưỡng đảm bảo cho các cháu điều kiện được chăm sóc một cách tốt nhất; phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích cho cháu T, cháu P. Nên chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu T cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung thêm đối với cháu P vì vậy hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần A và bị đơn anh Vũ B đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần A được ly hôn anh Vũ B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ T, sinh ngày 17/11/2010 cho anh Vũ B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Vũ Anh P, sinh ngày 12/8/2013 cho chị Trần A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cho đến khi cháu T, cháu P tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các đương sự được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* HĐXX không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trần A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000720 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ (CNKH số 11 năm 2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc